

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **90/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 15/10/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Đăng Thanh.

2. Ông: Bùi Ngọc Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Y** - Sinh năm 1997.

- Trú quán: K - P - L - Bắc Giang. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1987.

- Trú quán: K - P - L - Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Y, lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị Y kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 18 tháng 11 năm 2015. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị Y anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P - L. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung với gia đình bên chồng tại thôn K - P - L -

Bắc Giang. Đến tháng 12 năm 2015 vợ chồng ra ở riêng cũng tại thôn K – P - L - Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị Y cho rằng tháng 3 năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chửi bới đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bỏ về nhà ngoại sống ly thân anh T từ ngày 15/8/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cho rằng giữa anh và chị Y trong cuộc sống vợ chồng cũng có lúc xảy ra xô sát tuy nhiên đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống chưa đến mức trầm trọng. Anh T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Y, chị Y xin ly hôn anh không đồng ý và đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Y anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 07/11/2016 và cháu Nguyễn Bảo A - Sinh ngày 27/8/2018. Vợ chồng ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật, anh T đề nghị được nuôi cháu H, và để chị Y nuôi dưỡng cháu A, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y, anh T đều xác định vợ chồng có tài sản chung, không liên quan vay nợ. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa chị Y vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và giải quyết việc nuôi con chung. Anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị Y vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Y. Cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

-Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bảo A - Sinh ngày 27/8/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 07/11/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị Y, anh T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Phạm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trọng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2015 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn, không vi phạm các điều cấm kết hôn. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị Y làm đơn xin ly hôn anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Y, anh T có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không còn quan tâm tới nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị Y kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh T, anh T đề nghị chị Y suy nghĩ lại về đoàn tụ vợ chồng, nếu chị Y kiên quyết xin ly hôn anh không đồng ý. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa chị Y và anh T đã

đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Y. Cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung:

Chị Y, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 07/11/2016 và cháu Nguyễn Bảo A - Sinh ngày 27/8/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y anh T không thống nhất được việc nuôi con chung. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Y đồng ý để anh T nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, chị nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo A. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Bảo A đều là con chung của chị Y và anh T nên chị Y và anh T đều có quyền được nuôi con chung và phải có trách nhiệm chung trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của chị Y và anh T. Việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Y và anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*** Về các lễ trên.**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Bảo A - Sinh ngày 27/8/2018. Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 07/11/2016.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị Y, anh T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Y đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005677 ngày 30/8/2019. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt, niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã P, L.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng